TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/KDTM
Ngày: 05/3/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H,H.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị NM

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Quốc H

2. Bà Đỗ Thị L

- Thư ký phiên tòa: Bà Lỗ Thị Kiều O – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên toà:

Bà Bùi Thị Thùy N - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, TP. Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 79/2020/TLST – KDTM ngày 10.11.2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàngD; Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 phố Trần Hưng Đạo, phường CN, quận HK, Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tuấn Anh (Theo giấy ủy quyền số 19/2020 ngày 23.10.2020). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty N; Địa chỉ: Nhà B7 khu đô thị Sông Đà 2, VP, H, Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng LongT – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Địa chỉ: Địa chỉ: Nhà B7 khu đô thị Sông Đà 2, VP, H, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ngân hàng thương mại TNHH dầu khí toàn cầu trình bày:

Ngày 17 tháng 3 năm 2011, Ngân hàngD (trước đây là Ngân hàng TMCP D) – chi nhánh Ba Đình đã ký với Công ty N Hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ với nội dung như sau : Số tiền vay: 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu theo hợp đồng tín dụng; Mục đích vay: Bù đắp tiền xây dựng showroom nội thất Toppro 464 Quang Trung, H, Hà Nội; Lãi suất vay: theo quy định tại HĐTD số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 18/03/2011 Công tyN đã nhận nợ của GPBank tổng số tiền là: 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) và ký kết khế ước nhận nợ số: 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ

Tài sản bảo đảm là bất động sản tại thửa đất số 04 Tộc Trung tâm nghiên cứu gia cầm, phường VP, quận H, TP Hà Nội (nay là số 31, ngõ 2, khu tập thể gia cầm, VP, H, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 271568, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H-2615 dp UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2008 đứng tên ông Hoàng LongT và vợ là bà Cao Thị T. Tài sản này dùng để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của Công tyN tại GPBank theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 110092 ngày 17/03/2011 lập tại trụ sở Văn phòng Công chứng Đại Việt. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/03/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận H.

Công tyN đã phát sinh quá hạn từ tháng 25/02/2012. Sau đó hai bên đồng ý bán đấu giá tài sản là 1.185.000.000đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Sau khi trừ đi các chi phí liên quan, số tiền còn lại 1.148.813.500đ (Một tỷ, một trăm bốn tám triệu, tám trăm mười ba ngàn, năm trăm đồng) được ưu tiên trả vào nợ gốc.

Ngân hàngD buộc Công tyN thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/05/2019 là: 4.489.893.940 đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu tám trăm chín ba nghìn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc: 638.686.500 đồng; Nợ lãi trong hạn: 547.028.979 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.304.178.461 đồng và lãi vay sẽ tiếp tục được phát sinh theo HĐTD đến khi Công tyN thanh toán hết toàn bộ nợ cho GPBank.

Ngày 14/12/2020, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn xin rút 1.258.123.381 đồng tiền lãi chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH thanh toán tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 và khế ước nhận nợ số 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011 số tiền tính đến ngày 14/12/2020 là: 3.759.497.269 đồng; trong đó nợ gốc là 638.686.500 đồng; Nợ lãi trong hạn: 547.028.979 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.573.781.790 đồng và Lãi vay sẽ tiếp tục được phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi Công tyN thanh toán hết toàn bộ nợ cho GPBank.

Đại diện của bị đơn công ty N trình bày:

Bị đơn xác nhận: ngày 17 tháng 3 năm 2011, giữa Công ty N và Ngân

hàng D có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ để vay 2.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu theo hợp đồng tín dụng; Mục đích vay: Bù đắp tiền xây dựng showroom nội thất Toppro 464 QT, H, H; Lãi suất vay: theo quy định tại HĐTD số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ.

Ngày 18/03/2011, bị đơn đã nhận nợ của Ngân hàngD buộc Công tyN tổng số tiền là: 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) và ký kết khế ước nhận nợ số: 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ.

Để vay được số tiền trên, bị đơn phải thế chấp 01 bất động sản tại thửa đất số 04 Tộc Trung tâm nghiên cứu gia cầm, phường VP, quận H, H (nay là số 31, ngõ 2, khu tập thể gia cầm, VP, H, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 271568, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H-2615 dp UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2008 cấp cho ông Hoàng LongT và vợ là bà Cao Thị T.

Do khó khăn trong kinh dO nên đến năm 2012 Công tyN không thể tiếp tục thanh toán được khoản nợ tại GPBank, ngay sau đó GPBank đã thực hiện các biện pháp hỗ trợ tuy nhiên do tình hình kinh tế chung nên công ty vẫn chưa có phương án trả nợ.

Về tài sản thế chấp hai bên đã thống nhất bán đấu giá, số tiền bán đầu giá là: 1.185.000.000đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu đồng) ; sau khi trừ đi các chi phí liên quan số tiền còn lại 1.148.813.500đ (Một tỷ, một trăm bốn tám triệu, tám trăm mười ba ngàn, năm trăm đồng) được ưu tiên trả vào nợ gốc.

Bị đơn xác nhận, tạm tính đến ngày 02/05/2019 còn nợ Ngân hàng D tổng dư nợ gốc, lãi là: 4.489.893.940 đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi chín triệu tám trăm chín ba nghìn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó bao gồm: Nợ gốc là 638.686.500 đồng; Nợ lãi trong hạn 547.028.979 đồng; Nợ lãi quá hạn 3.304.178.461 đồng.

Do tình hình kinh tế khó khăn nên đề nghị phía nguyên đơn tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Bị đơn cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số nợ gốc lãi nêu trên. Đối với số tiền lãi quá hạn Ngân hàng đã rút bị đơn không có ý kiến gì.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị T trình bày: Chúng tôi xác nhận có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 04 Tộc Trung tâm nghiên cứu gia cầm, phường VP, quận H, TP Hà Nội (nay là số 31, ngõ 2, khu tập thể gia cầm, VP, H, Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 271568, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H-2615 dp UBND thành phố H cấp ngày 28/01/2008 đứng tên ông Hoàng LongT và vợ là bà Cao Thị T của chúng tôi cho khoản vay của công ty N tại Ngân hàng D. Tuy nhiên do năm 2012 công ty N gặp khó khăn trong kinh doanh nên ngày 25/11/2013 chúng tôi là bên thế chấp đã đồng ý bàn giao tài sản đảm bảo cho Ngân hàng D để bán đấu giá công khai. Ngày 14/09/2017 tài sản đã bán đấu giá công khai thành công. Giá trị tài sản bán đấu giá:

1.185.000.000đồng (Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Số tiền này đã được trừ vào 1 phần nợ gốc của bị đơn. Nay Ngân hàng D yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền nợ gốc còn lại và lãi phát sinh, chúng tôi là chủ tài sản không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đề nghị Tòa án buộc Công ty N phải trả Ngân hàng D toàn bộ số tiền còn nợ cho đến ngày 04/3/2021 là: 3.795.689.504 đồng, trong đó nợ gốc là 638.686.500đ; nợ lãi trong hạn là 547.028.979 đồng; lãi quá hạn là 2.609.974.025 đồng và khoản nợ phát sinh đối với dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 05/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H phát biểu: Việc thụ lý, giải quyết vụ án được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để xét xử. Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đ□ợc thẩm tra công khai tại phiên toà Hội đồng xét xử xét thấy:

1. *Về tố tụng:* Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 và khế ước nhận nợ số: 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng D và Công ty N đều có mục đích kinh dO; bị đơn có trụ sở tại quận H nên căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận H giải quyết sơ thẩm.

2. *Về nội dung:* Xem xét yêu cầu buộc Công ty N thanh toán trả Ngân hàng D toàn bộ nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 và khế ước nhận nợ số: 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận ngày 17/3/2011 giữa Ngân hàngD và Công tyN có ký Hợp đồng tín dụng 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 qua đó Công ty N vay số tiền là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn); Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu theo hợp đồng tín dụng; Mục đích vay: Bù đắp tiền xây dựng showroom nội thất Toppro 464 QT, H, H; Lãi suất vay: Theo hợp đồng tín dụng.

Các tài liệu do nguyên đơn xuất trình thể hiện: Bên cho vay đã giải ngân cho Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty N số tiền 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng chẵn) tại khế ước nhận nợ số 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011. Bắt đầu vi phạm hợp đồng tín dụng từ ngày 25/02/2012. Ngày

25/11/2013 bên thế chấp là ông Hoàng LongT và vợ bà Cao Thị T đã đồng ý bàn giao tài sản đảm bảo cho GPBank để bán đấu giá công khai. Số tiền bán đấu giá còn lại sau khi trừ đi chi phí phát sinh là: 1.148.813.500 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm mười ba nghìn năm trăm đồng) các bên thống nhất ưu tiên trừ vào nợ gốc của bị đơn. Như vậy, tính đến ngày xét xử 04/3/2021, Công tyN còn nợ Ngân hàng D buộc Công ty N số tiền gốc là: 638.686.500 đồng.

Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết với nhau trên cơ sở tự nguyện, đáp ứng về mặt hình thức, điều kiện vay vốn, thời hạn vay vốn nên xác định là có thật và hợp pháp.

Về lãi suất áp dụng: Qua xem xét Hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 và khế ước nhận nợ số: 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011 giữa các bên thỏa Tận lãi suất vay thể hiện: Khoản vay được áp dụng theo biểu lãi suất của GPBank tại thời điểm giải ngân và được thay đổi 1 tháng 1 lần vào ngày 25 theo quy định của GPBank tại thời điểm điều chỉnh. Ngày 17/12/2020, nguyên đơn xin rút 1.258.123.381 đồng tiền lãi chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH thanh toán tổng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0119/2010/GPBBĐ – XĐ/HĐ ngày 17/3/2011 và khế ước nhận nợ số 01.0119/2011/GPBBĐ-XĐ/KƯ ngày 18/3/2011 số tiền tính đến ngày 14/12/2020 là: 3.759.497.269 đồng; trong đó nợ gốc là 638.686.500 đồng; Nợ lãi trong hạn: 547.028.979 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.573.781.790 đồng và Lãi vay sẽ tiếp tục được phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi Công ty N thanh toán hết toàn bộ nợ cho GPBank.

Căn cứ vào các quyết định điều chỉnh lãi suất qua từng thời kỳ nguyên đơn xuất trình, căn cứ vào hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ xét thấy mức lãi suất này là sự thỏa Tận tự nguyện giữa hai bên, không vượt quá các quy định của pháp luật về lãi suất.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàngD buộc Công tyN pH trả Ngân hàng D toàn bộ số tiền còn nợ cho đến ngày 04/3/2021 là: 3.795.689.504 đồng, trong đó nợ gốc là 638.686.500đ; nợ lãi trong hạn là 547.028.979 đồng; lãi quá hạn là 2.609.974.025 đồng và khoản nợ phát sinh đối với dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 05/3/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 342; 348; 355; 361; 369; 474; 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 325, 326 của BLDS 2015; Điều 51; 54; 56; 91

của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D đối với Công ty N.

Buộc Công ty N thanh toán trả Ngân hàng D số tiền tạm tính đến ngày 04/3/2021 là: 3.795.689.504 đồng (Ba tỷ, bẩy trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm lẻ bốn đồng), trong đó nợ gốc là 638.686.500đ; nợ lãi trong hạn là 547.028.979 đồng; lãi quá hạn là 2.609.974.025 đồng.

Kể từ ngày 05/3/2021, Công tyN còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đòi 1.258.123.381 đồng tiền lãi chậm trả của Ngân hàngD

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội, buộc Công tyN pH chịu 107.913.790 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng D 56.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 9774 ngày 10.11.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, H.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- VKSND thành phố Hà Nội
- Thi hành án dân sự quận H;
- Lưu.

Nguyễn Thị NM